

Số: 186/TWQH-QĐ

Bình Định, ngày 11 tháng 4 năm 2013

ĐẾN	Số đến: 264
	Ngày đến: 15/4/2013
	Chuyên: Ban hành Quy định các "chỉ số đánh giá nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục" giai đoạn 2013 – 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các "chỉ số đánh giá nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục" giai đoạn 2013 – 2015

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN – PHONG DA LIỄU TW QUY HOÀ

Căn cứ quyết định số: 539/QĐ-BYT ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều lệ hoạt động và đổi tên Bệnh viện Phong – Da liễu Trung ương Quy Hoà

Căn cứ thực trạng hoạt động phòng, chống các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STIs) tại khu vực miền Trung - Tây nguyên trong thời gian qua.

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 29/3/2013 của mạng lưới phòng chống phong, da liễu khu vực miền Trung – Tây nguyên.

Xét đề nghị của ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo – Chỉ đạo tuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành Quy định các "chỉ số đánh giá nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục" giai đoạn 2013 – 2015 tại khu vực miền Trung – Tây nguyên.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ký.

Điều 3: Các đồng lãnh đạo Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Phong- Da liễu, Trung tâm Da liễu, Bệnh viện Da liễu (gọi tắt là Đơn vị da liễu tuyến tỉnh) và Trung tâm Đào tạo – Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quy Hoà chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn phản ánh về Giám đốc và Trung tâm Đào tạo – Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quy Hoà.

Nơi nhận:

- GD: Báo cáo;
- Các PGD;
- ĐV Da liễu tuyến tỉnh 15 tỉnh MT-TN: thực hiện;
- TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến: thực hiện;
- Lưu trữ.



Nguyễn Thanh Tân

Bình Định, ngày 11 tháng 4 năm 2013

QUY ĐỊNH

VỀ VIỆC ỨNG DỤNG CÁC “CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC” GIAI ĐOẠN 2013 – 2015

Ban hành kèm theo quyết định số: 186 ngày 11 tháng 4 năm 2013
của Giám đốc Bệnh viện Phong - Da liễu TW Quy Hoà

I. Đặt vấn đề:

Trong những năm qua, hoạt động phòng, chống các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STI_S) tại 11 miền Trung - Tây nguyên được triển khai và thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều thách thức và tồn tại. Hiện nay, số liệu giữa mạng lưới chuyên khoa da liễu và Trung tâm phòng chống HIV/AIDS còn chồng chéo, không có ý nghĩa thống kê. Số liệu thu thập và báo cáo các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục của các Trung tâm khắp khếnh nên không thể so sánh và đánh giá... Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quy Hoà Quy định các “chỉ số đánh giá nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục” trong giai đoạn 2013 – 2015 như sau:

II. Quy định chung:

- Chỉ số đánh giá STI_S được phân tách ra 3 lĩnh vực:
 - Tình hình mắc STI_S được tổng hợp từ khám chữa bệnh da liễu tại các Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh.
 - Tình hình mắc STI_S được phát hiện trong điều tra.
 - Tình hình mắc các Hội chứng STI_S được tổng hợp từ các cơ sở khám chữa bệnh da liễu (trừ Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh).
- Tập trung vào một số bệnh nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục và một số Hội chứng chính.
- Để có số liệu áp vào các công thức, mỗi Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh phải có hệ thống sổ sách (phần mềm) theo dõi số liệu của hoạt động phòng chống STI_S.

III. Nội dung của các chỉ số đánh giá:

- Tỷ lệ mắc STI_S được tổng hợp từ khám chữa bệnh da liễu tại Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh:

1.1. Tỷ lệ mắc STI_S trong số người đến khám chữa bệnh da liễu (KCB-DL) tại đơn vị da liễu tuyến tỉnh (ĐVDLTT):

$$\text{Tỷ lệ mắc STI}_S \text{ trong số người đến KCB-DL tại ĐVDLTT } (\%) = \frac{\text{Số mắc STI}_S \times 100}{\text{Tổng số người đến khám da liễu (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

1.2. Tỷ lệ mắc bệnh A trong nhóm STI_S khám chữa bệnh (KCB) tại Đơn vị da liễu tuyến tỉnh:

$$\text{Tỷ lệ mắc bệnh A trong nhóm STI}_S \text{ đến KCB tại ĐVDLTT. } (\%) = \frac{\text{Số mắc bệnh A} \times 100}{\text{Tổng số người mắc STI}_S \text{ (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

1.3. Tỷ lệ lậu mắt sơ sinh trong nhóm mắc lậu khám chữa bệnh tại Đơn vị da liễu tuyến tỉnh:

$$\text{Tỷ lệ lậu mắt sơ sinh } (\%) = \frac{\text{Số mắc lậu sơ sinh} \times 100}{\text{Tổng số người mắc lậu (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

1.4. Tỷ lệ mắc giang mai bẩm sinh trong nhóm mắc giang mai khám chữa bệnh tại Đơn vị da liễu tuyến tỉnh:

$$\text{Tỷ lệ mắc giang mai bẩm sinh } (\%) = \frac{\text{Số mắc giang mai bẩm sinh} \times 100}{\text{Tổng số người mắc giang mai (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

1.5. Tỷ lệ phụ nữ (PN) có thai được giám sát giang mai trong nhóm hành vi nguy cơ (HVNC) khám chữa bệnh tại Đơn vị da liễu tuyến tỉnh:

$$\text{Tỷ lệ PN có thai trong nhóm HVNC được giám sát GM } (\%) = \frac{\text{Số PN có thai được XN GM} \times 100}{\text{Tổng số PN có thai nhóm HVNC đến khám (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

2. Tỷ lệ mắc STI_S được phát hiện trong điều tra:

2.1. Tỷ lệ mắc STI_S mới được phát hiện trong điều tra:

$$\text{Tỷ lệ mắc STI}_S \text{ được phát hiện trong điều tra } (\%_{/00}) = \frac{\text{Số mắc STI}_S \text{ mới (hoặc tái phát)} \times 1000}{\text{Tổng số người trong quần thể có nguy cơ (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

2.2. Tỷ lệ mắc bệnh A trong quần thể có nguy cơ:

$$\text{Tỷ lệ mắc bệnh A trong quần thể nguy cơ X. } (^{0}/_{00}) = \frac{\text{Số mắc bệnh A X 1000}}{\text{Tổng số người trong quần thể có nguy cơ (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

2.3. Tỷ lệ phụ nữ (PN) có thai mắc giang mai (GM) trong quần thể nguy cơ:

$$\text{Tỷ lệ phụ nữ có thai mắc GM mai trong quần thể nguy cơ X } (^{0}/_{00}) = \frac{\text{Số PN có thai mắc GM trong QTNC X 100}}{\text{TS phụ nữ có thai trong QTNC (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

3. Tỷ lệ mắc các Hội chứng STI_s phát hiện trong khám chữa bệnh da liễu được tổng hợp từ các cơ sở khám chữa bệnh da liễu (trừ Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh):

3.1. Tỷ lệ mắc các Hội chứng STI_s phát hiện trong khám chữa bệnh da liễu được tổng hợp từ các cơ sở khám chữa bệnh da liễu (trừ Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh):

$$\text{Tỷ lệ mắc các Hội chứng STI}_s \text{ trong nhóm đến khám da liễu tại } (\%) = \frac{\text{Số mắc các hội chứng STI}_s \text{ X 100}}{\text{Tổng số người đến khám da liễu (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

3.2. Tỷ lệ mắc Hội chứng B trong nhóm STI_s phát hiện trong khám chữa bệnh da liễu được tổng hợp từ các cơ sở khám chữa bệnh da liễu (trừ Đơn vị Da liễu tuyến tỉnh):

$$\text{Tỷ lệ mắc Hội chứng B trong nhóm STI}_s \text{ đến khám tại } (\%) = \frac{\text{Số mắc Hội chứng X 100}}{\text{Tổng số người mắc STI (giữa thời kỳ điều tra)}}$$

4. Giải thích:

- Giữa thời kỳ điều tra: có nghĩa là trong 1 ngày, hay 1 tuần, hoặc 1 tháng, hoặc 1 quý, hoặc 1 năm (nếu điều tra ở nhiều điểm khác nhau, mỗi điểm 1 ngày thì coi đó là 1 ngày).

- Bệnh A: là ký hiệu chung để chỉ tên của: bệnh Lậu, có thể là Giang mai, hay Chlamydia Trachomatis hoặc Sùi mào gà

- Hội chứng B: là ký hiệu chung để chỉ tên của: Hội chứng tiết dịch niệu đạo, có thể là Hội chứng tiết dịch âm đạo, hay Hội chứng loét sinh dục, hoặc Hội chứng đau bụng dưới....

- Chỉ số 1.2 dùng để tính tỷ lệ mắc mới của từng bệnh: Lậu, Giang mai, Chlamydia Trachomatis, Sùi mào gà, HIV... trong tổng số người mắc các bệnh STIs khám chữa bệnh tại Đơn vị da liễu tuyến.

- Chỉ số 2.2 dùng để tính tỷ lệ mắc mới của từng bệnh: Lậu, Giang mai, Chlamydia Trachomatis, sùi mào gà và HIV.... phát hiện trong khám điều tra tại một quần thể có nguy cơ.

- Chỉ số 3.2 dùng để tính tỷ lệ mắc mới của từng Hội chứng tiết dịch niệu đạo, Hội chứng tiết dịch âm đạo, Hội chứng loét sinh dục, Hội chứng đau bụng dưới....

- Quần thể nguy cơ (QTNC) X: có thể là Cụm dân cư, một nghề nghiệp, đơn vị, xí nghiệp, cơ quan, trại cải huấn,...

IV. Hình thức và thời gian báo cáo:

1. Thường quy: để báo cáo 6 tháng, 9 tháng, 01 năm (thường là 01 năm).

2. Đột xuất: bất cứ thời điểm nào trong năm khi có yêu cầu hoặc khi cần báo cáo tình hình bệnh.

V. Tổ chức thực hiện

- Các đồng chí lãnh đạo Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Phong- Da liễu, Trùng tâm Da liễu, Bệnh viện Da liễu tuyến tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc áp dụng các “chỉ số đánh giá nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục”.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc phản ánh về Trung tâm Đào tạo – Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Phong – Da liễu TW Quy Hòa theo địa chỉ: Phường Gành Ráng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. ĐT: 056.3540346; Email: quyhoandh2005@gmail.com.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Da liễu TW } biết;
- Sở Y tế 11 tỉnh } biết;
- Đơn vị Da liễu 11 tỉnh: thực hiện;
- Lưu trữ.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tân